



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : ____ Yes, ____ No

EXIT VISA: ____ Yes ____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH VAN TU
Last Middle First

Current Address 26/7 K/4 Hoa Thanh - Tay Ninh

Date of Birth 1945 Place of Birth Bien Hoa

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant in ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06-1975 To 08-1981
(64)

3. SPONSOR'S NAME: _____

FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
DAO- THI- LANG	1943	wife
HUYNH DAO MINH NHAT	1971	son
HUYNH DAO MINH TAN	1973	son
HUYNH DAO MINH THINH	1982	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1512 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/698-8625

TELEX: 710 822 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam HUYNH VAN TU
Last Middle First

Current Address 26/7 KHóm I Thị TRẦN HOÀ THÁNH, TÂY NINH

Date of Birth OCTOBER 9, 1945 Place of Birth BẾN TRE (South Vietnam)

Names of Accompanying Relatives/Dependents

ĐÀO THI LĂNG (wife) HUYNH ĐÀO MINH THINH (son)
HUYNH ĐÀO MINH NHƯT (son)
HUYNH ĐÀO MINH TÂN (son)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From June 26, 1975 To Aug 26, 1981

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>CHI KIM HUYNH</u>	<u>friend</u>		

Form Completed By:

Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): HUYNH VAN TU
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
ĐÀO THI LANG	OCT 16, 1943	wife
HUYNH ĐÀO MINH NHƯT	NOV. 30, 1971	son
HUYNH ĐÀO MINH TÂN	OCT 02, 1973	son
HUYNH ĐÀO MINH THINH	SEPT. 07, 1982	son
		...

ADDITIONAL INFORMATION:



Đ. NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 1001 QĐ/TĐ
Ban hành theo thông tư số
2500 ngày 27 tháng
năm 1972



--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thủ hành án văn, quyết định tha số 62 ngày 28 tháng 8 năm 1981

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh HUYNH VĂN TÚ

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1945

Nơi sinh An tria

Nơi đang ở nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Can tội Trung úy trưởng ban 5

Bị bắt ngày An phạt TT/TT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 25/70 Trung hòa, Công thành, Thành phố Hồ Chí Minh, TP. HCM

Nhận kết quả trình giải tạo

Số tạo liên hệ: Quận chức 12 tháng (Đ, 1)

Lần tay ngôn trở phải

chủ HUYNH VĂN TÚ

Đánh liên số

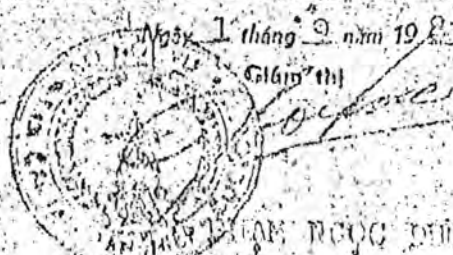
Lập tại



Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

(Signature)

Huỳnh Văn Tú



Ngày 1 tháng 9 năm 1981

Giám thị

(Signature)

AN THỊ

AN THỊ

LƯU-KIM-HIỆP

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận: 5

PHƯỜNG XXXX

B

Số hiệu: II302

LÊ PHI 133

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 2 tháng 12 năm 19 71

TAM. 10

23/16

Tên họ đứa trẻ. . . .	HUYNH ĐAO MINH NHƯT
Con trai hay con gái. .	Nam
Ngày sanh.	Ngày ba mươi tháng mười một, năm một ngàn chín trăm bảy mươi một, hồi 16g
Nơi sanh.	128, Đại lộ Hùng Vương
Tên họ người cha. . .	HUYNH VAN TƯ
Tên họ người mẹ. . .	DAO THI LANG
chánh hay không có hôn-thiếp.	Vợ chánh
Tên họ chánh trưởng khai.	Phan Khắc Thiệu

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 17 tháng 7 năm 19 74

TUN. Viên-Chức Hộ-Tịch,

Ưon

PHAN-THI-HỒNG-QUA
Tham-Sự Hành-Chính



VIỆT-NAM CỘNG-HOA

TỈNH Tây-Ninh

QUẬN Phủ-Khương

Xã Long-Thành

Số 1656-

Số

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 09 tháng 10 năm 1973

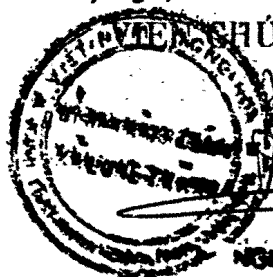
Tên họ đứa trẻ	<u>HUỲNH-ĐÀO-MINH-TÂN</u>
Con trai hay con gái	<u>Nam</u>
Ngày sinh	<u>Ngày hai, tháng mười, năm một ngàn chín</u>
	<u>trăm bảy mươi ba</u>
Nơi sinh	<u>Long-Thành</u>
Tên họ người cha	<u>Huỳnh-Văn-Tư</u>
Tên họ người mẹ	<u>Đào-Thị-Lăng</u>
vợ chánh hay không có	<u>Chánh</u>
Hôn thú	<u>//</u>
Tên họ người đứng khai	<u>Huỳnh-Văn-Tư</u>

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Long-Thành, ngày 09 tháng 10 năm 1973

ĐÃ KIỂM SOÁT XONG

[Signature]



[Signature]

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, T.M trấn Hoa Thành

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh Tây Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 757
Quyển số 04

Họ và tên	<u>Huỳnh Tấn Minh Thịnh</u>		Nam, nữ <u>nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>ngày 7 tháng 9 năm 1982</u> <u>20 8 1982</u>		
Nơi sinh	<u>thị trấn Hoa Thành</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Huỳnh Văn Tư</u> <u>9-10-1945</u>	<u>Đào Thị Láng</u> <u>16-10-1943</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Đi buôn bán</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>26/7 Khóm I thị trấn</u> <u>Hoa Thành</u>	<u>26/7 Khóm I thị trấn</u> <u>Hoa Thành</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Đào Thị Láng 39 tuổi</u> <u>thị trấn Hoa Thành</u> <u>CNCC 291023092</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 18 tháng 09 năm 1982
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Nơi 18 tháng 09 năm 1982

Đã ký tên đồng ý

Kiểm tại

Đã ký tên đồng ý



Nguyễn Văn Tư

Đề cò lai
của Thiên Ngọc